



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên độc lập của PrimeGlobal*

**CÔNG TY TNHH MTV  
XỔ SỐ KIẾN THIẾT PHÚ YÊN**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



**CÔNG TY TNHH MTV  
XỔ SỐ KIẾN THIẾT PHÚ YÊN**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Phạm Ngọc Minh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 06/12/2022
• Ông Ngô Đức Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 25/11/2021
• Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/10/2024
• Ông Đỗ Duy Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/02/2025
• Ông Nguyễn Ngọc Thu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/11/2022
• Bà Ngô Thị Thanh Hoài	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/12/2022

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc

Ngô Đức Thắng

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 01 năm 2026



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 127/2026/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính được lập ngày 31/01/2026 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

**Lê Hồ Bảo Chính – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6996-2025-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>269.841.286.854</b>	<b>220.556.935.001</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>58.519.986.619</b>	<b>31.874.291.532</b>
1. Tiền	111	6	58.519.986.619	31.874.291.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>192.407.850.249</b>	<b>170.713.665.030</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	192.407.850.249	170.713.665.030
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.955.454.352</b>	<b>16.815.534.725</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	15.130.367.114	14.846.916.632
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.825.087.238	1.968.618.093
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>928.025.185</b>	<b>1.114.656.814</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	928.025.185	1.114.656.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.970.449</b>	<b>38.786.900</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	29.970.449	38.786.900
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.536.964.651</b>	<b>35.150.094.051</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.507.564.651</b>	<b>6.120.694.051</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.507.564.651	6.120.694.051
- Nguyên giá	222		26.957.605.919	27.186.543.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.450.041.268)	(21.065.849.409)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		700.932.500	700.932.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.932.500)	(700.932.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29.029.400.000</b>	<b>29.029.400.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	29.029.400.000	29.029.400.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>304.378.251.505</b>	<b>255.707.029.052</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>170.099.251.505</b>	<b>121.428.029.052</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.378.593.319</b>	<b>119.707.370.866</b>
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.567	3.756.721
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	67.345.427.265	39.326.146.180
3. Phải trả người lao động	314		12.607.067.723	6.910.548.429
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	14.531.412.390	5.650.347.975
5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		68.405.931.100	62.279.015.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.488.721.274	5.537.556.561
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.720.658.186</b>	<b>1.720.658.186</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.720.658.186	1.720.658.186
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134.279.000.000</b>	<b>134.279.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>134.279.000.000</b>	<b>134.279.000.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	134.279.000.000	134.279.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>304.378.251.505</b>	<b>255.707.029.052</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	26.489.004.812	26.382.825.922
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	30.000.000.000	30.000.000.000



Giám đốc

Ngô Đức Thắng

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Hoài

Người lập biểu

Nguyễn Đình Khôi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu	01	17	541.101.477.588	492.324.229.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		541.101.477.588	492.324.229.243
4. Chi phí kinh doanh	11	18	404.541.337.563	388.321.911.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		<u>136.560.140.025</u>	<u>104.002.317.903</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.091.544.047	6.499.205.366
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	54.879.407.021	55.044.078.537
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>88.772.277.051</u>	<u>55.457.444.732</u>
11. Thu nhập khác	31	21	185.216.972	88.953.252
12. Chi phí khác	32	22	7.145.141	7.285.899
13. Lợi nhuận khác	40		<u>178.071.831</u>	<u>81.667.353</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>88.950.348.882</u>	<u>55.539.112.085</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	17.790.080.623	11.126.922.934
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>71.160.268.259</u>	<u>44.412.189.151</u>



Ngô Đức Thắng

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Hoài

Người lập biểu

Nguyễn Đình Khôi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88.950.348.882	55.539.112.085
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11,12	894.814.585	884.574.459
- Các khoản dự phòng	03		6.126.916.100	7.771.836.500
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.099.414.417)	(6.499.205.366)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		88.872.665.150	57.696.317.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(641.248.996)	(4.551.103.418)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		186.631.629	(431.401.150)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.722.284.426	2.991.606.926
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(11.971.054.571)	(12.243.983.040)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.128.827.449)	(2.870.469.598)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>85.040.450.189</b>	<b>40.590.967.398</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(281.685.185)	(142.102.727)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		7.870.370	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.705.066.925)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	11.756.388.059
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,19	6.612.571.573	6.759.157.937
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(15.366.310.167)</b>	<b>18.373.443.269</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16	(43.028.444.935)	(54.208.395.887)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(43.028.444.935)</b>	<b>(54.208.395.887)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>26.645.695.087</b>	<b>4.756.014.780</b>
Tiền và trong đương tiền đầu kỳ	60	6	31.874.291.532	27.118.276.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	6	<b>58.519.986.619</b>	<b>31.874.291.532</b>



Ngô Đức Thắng

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Hoài

Người lập biểu

Nguyễn Đình Khôi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xổ số Kiến thiết Phú Yên) theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/09/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400116969 ngày 11/09/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/04/2025.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh Xổ số kiến thiết;
- Dịch vụ giải trí vui chơi có thưởng (vé cào, vé bóc, lô tô).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đặc thù đối với Công ty Xổ số kiến thiết ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009, có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Đầu tư tài chính

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 28
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	6

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm;
- Chi phí thuê mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.9 Trích quỹ dự phòng rủi ro trả thường

Quỹ dự phòng rủi ro trả thường được dùng để trả thường khi tỷ lệ trả thường thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thường xây dựng hoặc kế hoạch. Việc trích quỹ dự phòng rủi ro trả thường thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017.

### 4.10 Quỹ lương

Quỹ lương được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của Công ty Xổ số Kiến thiết, sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối theo Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc hội Việt Nam, cụ thể:

- Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ;
- Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng vé số.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 15%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.16 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và đầu tư tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty là phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 5. Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ Công văn số 2375/STC-QLDN ngày 26/09/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đăk Lăk về việc rà soát phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 của doanh nghiệp nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 với số tiền 1.720.658.186 đồng (tương ứng với 3% thu nhập tính thuế TNDN). Công ty xác định đây là sai sót của kỳ trước và đã thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2025. Kết quả điều chỉnh hồi tố như sau:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2025 (Đã hồi tố)	31/12/2024 (Chưa hồi tố)		
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	39.326.146.180	41.046.804.366	(1.720.658.186)	(1)
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	1.720.658.186	-	1.720.658.186	(1)

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2024	Năm 2024	Chênh lệch	Ghi chú
		(Đã hồi tố)	(Chưa hồi tố)		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55.044.078.537	53.323.420.351	1.720.658.186	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.126.922.934	11.471.054.571	(344.131.637)	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	44.412.189.151	45.788.715.700	(1.376.526.549)	(1)

(1) Công ty thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 3% thu nhập tính thuế TNDN. Theo đó, Trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” tăng lên và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” giảm đi một lượng tương ứng là 1.720.658.186 đồng. Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên 1.720.658.186 đồng, khoản mục “Chi phí thuế TNDN hiện hành” và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế TNDN” giảm đi lần lượt là 344.131.637 đồng và 1.376.526.549 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

6. Tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	207.211.341	481.002
Tiền gửi ngân hàng	58.312.775.278	31.873.810.530
<b>Cộng</b>	<b>58.519.986.619</b>	<b>31.874.291.532</b>

7. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi có kỳ hạn		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tuy Hòa	18.948.013.800	18.176.325.300
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên	104.623.420.003	111.513.841.780
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Yên	5.224.193.756	4.810.800.194
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Yên	25.473.809.586	18.789.119.455
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Phú Yên	38.138.413.104	17.423.578.301
<b>Cộng</b>	<b>192.407.850.249</b>	<b>170.713.665.030</b>

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng. Công ty đánh giá các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về mặt giá trị.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2025	01/01/2025
Phải thu các đại lý vé số	15.130.367.114	14.846.916.632
<b>Cộng</b>	<b>15.130.367.114</b>	<b>14.846.916.632</b>

9. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2025	01/01/2025
Tạm ứng	143.094.116	205.128.970
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	1.727.134.461	1.248.161.987
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	954.858.661	515.327.136
<b>Cộng</b>	<b>2.825.087.238</b>	<b>1.968.618.093</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vé xổ số	667.500.000	-	871.000.000	-
- Vé xổ số truyền thống	667.500.000	-	803.000.000	-
- Vé xổ số cào	-	-	20.000.000	-
- Vé xổ số bốc	-	-	48.000.000	-
Công cụ, dụng cụ	260.525.185	-	243.656.814	-
<b>Cộng</b>	<b>928.025.185</b>	<b>-</b>	<b>1.114.656.814</b>	<b>-</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	10.823.702.813	8.670.580.000	7.502.569.647	189.691.000	27.186.543.460
Tăng trong năm	-	-	-	281.685.185	281.685.185
Giảm trong năm	-	360.931.726	-	149.691.000	510.622.726
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.823.702.813</b>	<b>8.309.648.274</b>	<b>7.502.569.647</b>	<b>321.685.185</b>	<b>26.957.605.919</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	6.563.483.004	8.440.873.821	5.871.801.584	189.691.000	21.065.849.409
Tăng trong năm	362.193.000	68.830.129	463.791.456	-	894.814.585
Giảm trong năm	-	360.931.726	-	149.691.000	510.622.726
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.925.676.004</b>	<b>8.148.772.224</b>	<b>6.335.593.040</b>	<b>40.000.000</b>	<b>21.450.041.268</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	4.260.219.809	229.706.179	1.630.768.063	-	6.120.694.051
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.898.026.809</b>	<b>160.876.050</b>	<b>1.166.976.607</b>	<b>281.685.185</b>	<b>5.507.564.651</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 14.615.413.981 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	700.932.500	700.932.500
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>700.932.500</b>	<b>700.932.500</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	700.932.500	700.932.500
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>700.932.500</b>	<b>700.932.500</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 700.932.500 đồng.

### 13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Phú Yên (1)	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung (2)	1.602.940	16.029.400.000	1.602.940	16.029.400.000
<b>Cộng</b>		<b>29.029.400.000</b>		<b>29.029.400.000</b>

(1) Ngày 13/07/2006, Chủ tịch UBND Tỉnh Phú Yên ký quyết định số 1069/QĐ-UBND về việc chuyển giao phần vốn góp của Công ty Vật tư Tổng hợp Phú Yên tại Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Phú Yên sang Công ty Xổ số Kiến Thiết Phú Yên quản lý với tổng số vốn là 8.000.000.000 đồng. Theo đó, 2 đơn vị nhận/chuyển giao sẽ hạch toán tương ứng với tăng/giảm vốn và tài sản Nhà nước. Sau đó, Công ty có góp thêm bằng tiền mặt 5.000.000.000 đồng (Căn cứ các ủy nhiệm chi và thông báo góp vốn bổ sung năm 2005, 2007). Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 74.000.000.000 đồng (7.400.000 CP). Công ty Xổ số Kiến thiết Phú Yên đã góp 13.000.000.000 đồng tương ứng 17,57%. Theo Công ty, do đây là khoản Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên giao cho Công ty quản lý nên Công ty đã không thực hiện trích lập dự phòng do hoạt động kinh doanh thua lỗ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Phú Yên.

(2) Ngày 23/08/2007, Chủ tịch UBND Tỉnh Phú Yên ký quyết định số 1528/QĐ-UBND về việc chuyển giao phần vốn góp của Tỉnh Phú Yên tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên (nay là Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung) sang Công ty Xổ số Kiến thiết Phú Yên với giá trị là 11.400.000.000 đồng (1.140.000 CP). Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung là sự hợp nhất 3 công ty: Công ty Bia Phú Yên, Công ty Bia Đắk Lắk và Công ty Bia Quy Nhơn. Khi thực hiện sự hợp nhất này có đánh giá lại để thực hiện quy đổi từ cổ phiếu cũ sang cổ phiếu mới. Theo đó, số cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Phú Yên từ 1.140.000 CP thành 1.602.940 CP (tỷ lệ quy đổi 1,40609). Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung là 298.466.480.000 đồng. Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền trung tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2024, đợt 1 năm 2025 và đợt 2 năm 2025: 8.816.170.000 đồng. Theo Công ty, đây là khoản đầu tư Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Phú Yên được UBND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tình giao quản lý nên Công ty không hạch toán khoản cổ tức trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Dư Nợ	Dư Có			Dư Nợ	Dư Có
Thuế giá trị gia tăng	-	5.208.946.294	60.888.623.180	60.416.544.875	-	5.681.024.599
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	7.109.168.771	81.162.527.193	80.674.441.412	-	7.597.254.552
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.126.922.934	17.790.080.623	11.971.054.571	-	11.945.948.986
Thuế thu nhập cá nhân	38.786.900	1.229.189.795	17.753.310.913	17.556.234.677	29.970.449	1.417.449.580
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	85.497.504	85.497.504	-	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	-	19.651.918.386	64.080.276.097	43.028.444.935	-	40.703.749.548
<b>Cộng</b>		<b>39.326.146.180</b>	<b>241.772.315.510</b>	<b>213.744.217.974</b>	<b>29.970.449</b>	<b>67.345.427.265</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
UBND Tỉnh Phú Yên (cổ tức Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung)	14.426.460.000	5.610.290.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.952.390	40.057.975
<b>Cộng</b>	<b>14.531.412.390</b>	<b>5.650.347.975</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	134.279.000.000	-	134.279.000.000
Tăng trong năm	-	44.412.189.151	44.412.189.151
Giảm trong năm	-	44.412.189.151	44.412.189.151
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>134.279.000.000</b>	<b>-</b>	<b>134.279.000.000</b>
Số dư tại 01/01/2025	134.279.000.000	-	134.279.000.000
Tăng trong năm	-	71.160.268.259	71.160.268.259
Giảm trong năm	-	71.160.268.259	71.160.268.259
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>134.279.000.000</b>	<b>-</b>	<b>134.279.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	71.160.268.259	44.412.189.151
Phân phối lợi nhuận	71.160.268.259	44.412.189.151
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	71.160.268.259	44.412.189.151
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	-	379.218.830
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	7.079.992.162	4.381.051.935
- Nộp ngân sách Nhà nước	64.080.276.097	39.651.918.386
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 17. Doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán vé xổ số	541.083.514.623	492.324.229.243
- Doanh thu vé truyền thống	540.702.237.154	492.324.229.243
- Doanh thu vé cào	91.362.845	-
- Doanh thu vé bóc	289.914.624	-
Doanh thu khác	17.962.965	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>541.101.477.588</b>	<b>492.324.229.243</b>

### 18. Chi phí kinh doanh

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí kinh doanh vé xổ số	404.541.337.563	388.321.911.340
- Chi phí trả thưởng	282.525.096.000	275.575.000.000
- Chi phí trực tiếp phát hành	122.016.241.563	112.746.911.340
<b>Cộng</b>	<b>404.541.337.563</b>	<b>388.321.911.340</b>

### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi	7.091.544.047	6.499.205.366
<b>Cộng</b>	<b>7.091.544.047</b>	<b>6.499.205.366</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí công cụ dụng cụ	430.208.270	738.983.027
Chi phí nhân công	30.906.632.447	22.998.264.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	894.814.585	884.574.459
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	1.720.658.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.811.253.239	2.504.518.663
Chi phí bằng tiền khác	19.836.498.480	26.197.080.156
<b>Cộng</b>	<b>54.879.407.021</b>	<b>55.044.078.537</b>

### 21. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Cung cấp kết quả xổ số qua dịch vụ SMS	2.190.182	2.730.872
Thanh lý TSCĐ	7.870.370	-
Thu nhập khác	175.156.420	86.222.380
<b>Cộng</b>	<b>185.216.972</b>	<b>88.953.252</b>

### 22. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí thuê địa điểm hủy vé	7.090.908	7.227.272
Chi phí khác	54.233	58.627
<b>Cộng</b>	<b>7.145.141</b>	<b>7.285.899</b>

### 23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.950.348.882	57.259.770.271
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	54.233	95.502.585
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	54.233	95.502.585
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	88.950.403.115	57.355.272.856
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.790.080.623</b>	<b>11.126.922.934</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	122.016.241.563	112.746.911.340
Chi phí công cụ dụng cụ	430.208.270	738.983.027
Chi phí nhân công	30.906.632.447	22.998.264.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	894.814.585	884.574.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.811.253.239	2.504.518.663
Chi phí trả thưởng	282.525.096.000	275.575.000.000
Chi phí bằng tiền khác	19.836.498.480	26.197.080.156
<b>Cộng</b>	<b>459.420.744.584</b>	<b>441.645.331.691</b>

### 25. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá hàng hóa.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Chỉ trong một số trường hợp thiếu hụt vốn lưu động Công ty mới thực hiện vay vốn trong thời gian ngắn và trả dứt điểm, chi phí lãi vay phát sinh thấp. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa và dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của các yếu tố đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty theo dõi chặt chẽ thông tin về giá cả thị trường, thực hiện đấu thầu đối với các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng qua kênh phân phối là hệ thống đại lý. Với đặc thù như vậy, Công ty đã xây dựng quy chế tài chính áp dụng đối với hệ thống đại lý (quy định chặt chẽ về thời gian thanh toán, tài sản đảm bảo) và đã tạo dựng được mối quan hệ hợp tác trong nhiều năm, tình hình thanh toán kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi,

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả khác	14.531.412.390	-	14.531.412.390
<b>Cộng</b>	<b>14.531.412.390</b>	<b>-</b>	<b>14.531.412.390</b>
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả khác	5.650.347.975	-	5.650.347.975
<b>Cộng</b>	<b>5.650.347.975</b>	<b>-</b>	<b>5.650.347.975</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.519.986.619	-	58.519.986.619
Phải thu khách hàng	15.130.367.114	-	15.130.367.114
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	192.407.850.249	29.029.400.000	221.437.250.249
Phải thu khác	1.727.134.461	-	1.727.134.461
<b>Cộng</b>	<b>267.785.338.443</b>	<b>29.029.400.000</b>	<b>296.814.738.443</b>
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.874.291.532	-	31.874.291.532
Phải thu khách hàng	14.846.916.632	-	14.846.916.632
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	170.713.665.030	29.029.400.000	199.743.065.030
Phải thu khác	1.248.161.987	-	1.248.161.987
<b>Cộng</b>	<b>218.683.035.181</b>	<b>29.029.400.000</b>	<b>247.712.435.181</b>

### 26. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2025	Năm 2024
Quỹ lương của Chủ tịch, Kiểm soát viên của Công ty	1.872.000.000	937.304.239
Quỹ lương của Ban điều hành Công ty	4.073.323.272	2.096.446.397

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 28. Số liệu so sánh

Là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố nhằm phản ánh việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Giám đốc

CÔNG TY TNHH

MỘT THÀNH VIÊN

XỔ SỐ KIẾN THIẾT

PHÚ YÊN

ĐẮK LẮK

P. TUY HÒA

TỈNH ĐẮK LẮK

Việt Nam

Ngô Đức Thắng

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Hoài

Người lập biểu

Nguyễn Đình Khôi

**Trụ sở chính**

Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường,  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel : +(84-236) 3655 886  
Fax: +(84-236) 3655 887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>